

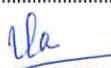
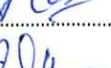
*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K5, TẠI HUYỆN LẮK, KHÓA HỌC 2023- 2025
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

Phần học: A.V. Nội dung cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học;

VI. Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Ngày thi: Ngày 07 tháng 7 năm 2024;

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Phan Ngọc Bình	30/01/1987	02		31	8.0	Tám
2	Phạm Thái Bình	09/8/1986	02		60	7,25	bảy, hai năm
3	Y Dim Bkrông	04/10/1982	02		32	7.0	bảy
4	H Lin Buộc	06/02/1989	02		40	7.5	Bảy, năm
5	Y Lập Buôn	24/4/1984	02		62	7,25	bảy, hai năm
6	H Lát Buôn Krông	05/8/1989	02		55	7,75	bảy, bảy năm
7	Doàn Quang Chung	07/01/1985	02		71	7.0	bảy
8	Hoàng Thị Diệp	18/6/1985	02		21	7.5	bảy, năm
9	Y Pren Drang	07/5/1974	02		14	7.0	Bảy
10	H Nghiệp Du	12/7/1981	02		7	7.5	Bảy, năm
11	Hồ Ngọc Dũng	14/10/1986	02		6	7,25	bảy, hai năm
12	Hoàng Văn Đạo	03/11/1980	02		39	8,25	Tám, hai năm
13	Trần Minh Điền	24/9/1986	02		69	7,25	Bảy, hai năm
14	Phạm Viết Đồng	06/11/1984	02		25	7.5	bảy, năm
15	Hoàng Thị Hà	25/11/1988	02		13	7,75	bảy, bảy năm
16	Dặng Thị Mỹ Hạnh	19/9/1986	02		24	7,75	bảy, bảy năm
17	Bùi Lam Hạnh	22/6/1984	02		1	7,75	bảy, bảy năm
18	Hà Thị Hiền	27/11/1981	02		42	7.5	bảy, năm
19	Phan Quốc Hiệp	20/12/1987	03		34	7.5	bảy, năm
20	Võ Thị Ngọc Hiệp	14/4/1988	02		67	7.0	bảy
21	Phan Phúc Hiếu	08/02/1977	02		68	7.0	Bảy



Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
22	II Núi	Hlong	08/8/1988	02		41	7,5	Bảy, năm
23	II Mal	Hmok	08/3/1978	02		33	7,25	Bảy, hai năm
24	Nguyễn Văn	Hoàn	10/5/1987	02		9	7,0	Bảy
25	Phạm Thị Ngọc	Hồng	17/12/1989	03		36	8,25	Tám, hai năm
26	Phạm Công	Hùng	24/10/1980	02		51	7,0	Bảy
27	Nguyễn Đình	Hung	24/4/1981	02		74	7,25	Bảy, hai năm
28	Bùi Thị Ánh	Hường	10/4/1989	02		20	7,75	Bảy, bảy năm
29	Đoàn Thị	Huyền	06/5/1990	02		30	7,25	Bảy, hai năm
30	Y Sem	Ja	03/12/1972	02		45	7,25	Bảy, hai năm
31	Nguyễn Đắc	Khang	19/02/1985	03		37	7,75	Bảy, bảy năm
32	Nguyễn Thị	Kiều	26/3/1987	02		63	7,5	Bảy, năm
33	Y Thiêm	Knul	25/5/1987	02		52	7,0	Bảy
34	Võ Văn	Kỳ	30/6/1980	02		18	7,5	Bảy, năm
35	Nguyễn Thị Ngọc Lan		02/10/85	02		47	7,0	Bảy
36	Trương văn	Lâm	11/02/1982	02		16	8,5	Tám, năm
37	Nguyễn Bá	Liêm	30/7/1982	02		48	8,0	Tám
38	Trà Thị	Linh	10/8/1985	02		8	7,5	Bảy, năm
39	Bùi Văn	Lộc	04/01/1978	02		19	7,25	Bảy, hai năm
40	Lê Thị	Lý	23/01/1989	02		15	7,5	Bảy, năm
41	Nguyễn Thị Tuyết Mai		21/12/1985	03		35	7,5	Bảy, năm
42	Nguyễn Anh	Mười	25/12/1976	02		44	7,0	Bảy
43	Nguyễn Thị	Ngân	06/5/1988	03		38	7,75	Bảy, bảy năm
44	Dương Thị Mỹ	Nghĩa	06/01/1978	02		23	7,5	Bảy, năm
45	Trần Văn	Nguyễn	05/5/1982	02		57	7,25	Bảy, hai năm
46	Trần Thanh	Nha	04/10/1988	02		59	7,0	Bảy
47	Thái Thị	Nhân	15/7/1978	Đã có quyết định thôi học và bảo lưu kết quả học tập (Số Quyết định 498-QĐ/TCT, ngày 03/7/2024)				
48	Nguyễn Văn	Nhân	29/9/1977	02		72	7,5	Bảy, năm

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
49	Nguyễn Thị	Nhung	09/11/1982	02		50	7,75	Bảy, bảy năm
50	H Thương	Niê	15/10/1989	02		54	7,75	Bảy, bảy năm
51	Y Ninh	Niê Kdăm	03/5/1982	02		43	7,75	Bảy, bảy năm
52	Y Dương	Nỡm	10/11/1986	02		18	7,25	Bảy, hai năm
53	Nguyễn Thị	Nuong	16/7/1990	02		12	7,5	Bảy, năm
54	H Srông	Ông	11/7/1988	02		64	7,75	Bảy, bảy năm
55	H Rôza	Ông	01/8/1985	02		10	7,25	Bảy, hai năm
56	H Bép	Pang Ting	16/10/1989	02		56	7,25	Bảy, hai năm
57	Bùi Văn	Phuong	26/5/1980	02		58	7,25	Bảy, hai năm
58	Lê Thị Hồng	Quê	10/12/1980	02		4	7,75	Bảy, bảy năm
59	Y Dinh	Rơ Lurk	09/3/1988	02		61	7,5	Bảy, năm
60	Nguyễn Tiến	Tâm	24/02/1979	02		70	7,0	Bảy
61	Nguyễn Văn	Tâm	29/7/1987	02		46	7,25	Bảy, hai năm
62	Nguyễn Thị Lệ	Tâm	27/5/1990	02		2	7,5	Bảy, năm
63	Hoàng Thị Hồng	Thái	20/9/1984	02		73	7,25	Bảy, hai năm
64	Nguyễn Thị	Thái	20/6/1989	02		3	8,25	Tám, hai năm
65	Nguyễn Đình	Thân	25/8/1976	02		77	7,25	Bảy, hai năm
66	Lê Văn	Thành	17/02/1980	02		53	7,25	Bảy, hai năm
67	Nguyễn Thanh	Thạnh	10/4/1987	02		76	7,25	Bảy, hai năm
68	Ngô Thị	Thương	10/7/1989	02		11	7,5	Bảy, năm
69	Dặng Thị Hồng	Thúy	05/8/1985	02		27	7,75	Bảy, bảy năm
70	Bùi Thị	Thúy	01/11/1983	02		49	7,5	Bảy, năm
71	Lê Thị	Thủy	24/10/1987	Đã có quyết định thôi học (Số Quyết định 499-QĐ/TCT, ngày 03/7/2024)				
72	Nguyễn Thanh	Tiên	09/9/1987	02		65	8,0	Tám
73	Vũ Huyền	Trang	30/12/1985	02		28	7,25	Bảy, hai năm
74	Đỗ Thị Mỹ	Trinh	09/01/1986	02		5	8,0	Tám
75	Y Huỳnh	Uông	21/7/1989	02		66	7,0	Bảy

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
76	Nguyễn Đức Vinh	10/4/1987	02		26	7,25	Bảy, hai năm
77	Trịnh Thị Anh Vũ	01/01/1990	02		29	7,0	Bảy
78	Dặng Quốc Vương	20/12/1982	Đã có quyết định thôi học (Số Quyết định 499-QĐ/TCT, ngày 03/7/2024)				
79	Trần Thị Kim Xuyên	12/11/1986	02		22	7,75	Bảy, bảy năm
80	Tô Thị Thu Yến	27/11/1979	02		75	8,0	Tám

Tổng số học viên theo danh sách: 80... học viên;
Số học viên đủ điều kiện dự thi: 77... học viên;
Số học viên không đủ điều kiện dự thi: 3... học viên;
Số học viên vắng thi: 0... học viên;
Số bài thi hiện có: 77... bài/... 159... tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Nguyễn Văn Ai

CÁN BỘ COI THI 02

Phạm Văn Phú

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Ngày... 19... tháng... 7... năm 2024

Phó Chủ tịch Khoa

TRƯỞNG KHOA

Đỗ Thị Bình

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày... 19... tháng... 7... năm 2024

Trần Văn Phú

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

Trần Văn Phú



Nguyễn Thành Dũng

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK LẮK
KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 6 năm 2024

LỊCH GIẢNG
NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Phần học A: V.Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học;
VI. Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam
Lớp TCLLCT, hệ không tập trung K5, huyện Lắk (2023 -2025)
(Từ ngày 8/6/2024- 07/7/2024)
(*Lớp học thứ 7 và chủ nhật*)

Thứ	Ngày	Buổi	Bài giảng	Số tiết học lý thuyết, thảo luận trên lớp	Giảng viên
7	08/6/2024	S-C	Bài: Cách mạng xã hội chủ nghĩa	08	ThS.Vũ Văn Bắc
CN	09/6/2024	S-C	Bài: Cải cách, đổi mới chủ nghĩa xã hội từ 1991 đến nay	08	ThS.Vũ Văn Bắc
7	15/6/2024	S-C	Bài: Chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 1917-1991	08	ThS.Phạm Văn Phú
CN	16/6/2024	S	Bài: Chủ nghĩa xã hội hiện thực từ 1917-1991	04	ThS.Phạm Văn Phú
		C	Nghiên cứu		
7	22/6/2024	S-C	Bài: Một số quy luật, phạm trù cơ bản của CNXH khoa học	08	ThS.Nguyễn Khánh
CN	23/6/2024	S	Bài: Một số quy luật, phạm trù cơ bản của CNXH khoa học	04	ThS.Nguyễn Khánh
		C	Nghiên cứu		
7	29/6/2024	S-C	Bài: Đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	08	ThS.Nguyễn Trọng Cúc
CN	30/6/2024	S-C	Bài: Những phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	08	ThS.Nguyễn Trọng Cúc
7	06/7/2024	S-C	Bài: Các mối quan hệ lớn cần nhận thức và giải quyết trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	08	ThS.Nguyễn Khánh
CN	07/7/2024	S	Ôn thi		
		C	Thi hết phần học	04	Ban coi thi

- Giảng và thảo luận: 64 tiết; Thi hết phần học 04 tiết.

T/L HIỆU TRƯỞNG
K/T TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Văn Sương

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH

ThS. Trần Quốc Hùng